TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 619/2024/DS-PT
Ngày: 05/12/2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Ông Nguyễn Chí Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:* Bà Trần Thị Điểu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 401/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 90/2024/DS - ST ngày 26 tháng 7 năm 2024, của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 584/2024/QĐ – PT ngày 30/10/2024 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 607/2024/QĐPT-DS ngày 13/11/2024, của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Anh Bùi Văn K, sinh năm 1984.

2. Chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh K, chị N: Anh Trần Tấn L, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số A, tổ G, khóm M, phường C, thành phố C, Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 14/10/2024.

Bị đơn:

1. Chị Phan Ngọc O, sinh năm 1993.

2. Anh Võ Thanh M, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Tổ I, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị O và anh M là: Ông Bùi Văn P, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số A, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/5/2024).

4. Người kháng cáo: Chị Phan Ngọc O và anh Võ Thanh M là bị đơn.

Anh L, ông P có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn Bùi Văn K và Nguyễn Thị Thúy N trình bày:

Do chỗ bạn bè thân thiết nên ngày 05/02/2024, anh K và chị N là vợ chồng có cho anh M và chị O là vợ chồng vay 2.365.000.000 đồng, không làm biên nhận. Hai bên thỏa thuận lãi suất 1,66%/tháng, để đáo nợ ngân hàng và cam kết đến ngày 05/3/2024, sẽ trả đủ cho anh K và chị N tiền vốn và tiền lãi.

Thời gian này, anh K và chị N cần tiền để làm kinh tế nhưng nghĩ bạn bè chỉ vay đỡ một tháng sẽ trả nên anh K và chị N tin tưởng và đồng ý cho vay. Đến hạn trả thì anh M và chị O trình bày nhiều lý do để trốn tránh việc trả nợ.

Đến ngày 05/3/2024, anh K và chị N yêu cầu anh M và chị O ghi biên nhận vay là có vay của anh K và chị N số tiền 2.365.000.000 đồng và cam kết trả dần được ghi trong biên nhận cụ thể như sau:

+ Số tiền 350.000.000 đồng sẽ được trả trong vòng 10 ngày kể từ ngày viết biên nhận.

+ Số tiền 1.500.000.000 đồng sẽ được trả trong vòng 120 ngày kể từ ngày viết biên nhận.

+ Số tiền 515.000.000 đồng có bao nhiêu sẽ trả dần hàng ngày.

Tuy nhiên, anh M và chị O đã vi phạm việc trả nợ lần thứ nhất đối với số tiền 350.000.000 đồng. Đồng thời, theo thông tin được biết thì anh M và chị O đang tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác nhằm trốn tránh việc trả nợ cho anh K và chị N. Việc làm của anh M và chị O đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của anh K và chị N.

Anh K, chị N và anh M, chị O có giao dịch vay tiền rất nhiều lần và có tham gia hụi với nhau do chị N làm chủ hụi nhưng các giao dịch về hụi và tiền vay khác thì anh K và chị N không tranh chấp trong vụ án này.

Theo đơn khởi kiện, anh K và chị N yêu cầu anh M và chị O liên đới trả cho anh K và chị N số tiền vốn 2.365.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tương ứng trên tiền vốn, tạm tính từ ngày 05/3/2024 đến ngày 05/4/2024 là 30 ngày, thành tiền lãi 39.259.000 đồng, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 2.443.518.000 đồng và yêu cầu anh M và chị O tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi anh M và chị O trả xong nợ.

Tại phiên họp, anh K và chị N yêu cầu anh M và chị O liên đới trả cho anh K và chị N số tiền vốn 2.365.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tương ứng trên tiền vốn, tạm tính từ ngày 05/3/2024 đến ngày 05/5/2024 là 02 tháng, thành tiền lãi 78.518.000 đồng, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 2.404.259.000 đồng và yêu cầu anh M và chị O tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi anh M và chị O trả xong nợ.

Tại phiên tòa, anh K và chị N thay đổi yêu cầu khởi kiện: Sau khi anh M và chị O viết biên nhận ngày 05/3/2024 thì từ ngày 05/3/2024 đến ngày 30/4/2024, anh M và chị O có trả tiền vốn và tiền lãi nhiều lần được tổng cộng là 347.820.000 đồng (trong đó 90.000.000 đồng tiền vốn và 257.820.000 đồng tiền lãi mà không nhớ thời gian cụ thể), nên đồng ý trừ số tiền vốn và tiền lãi đã đóng vào số tiền lãi và tiền vốn anh K và chị N yêu cầu, cụ thể như sau:

Số tiền vốn còn lại: 2.365.000.000 đồng – (trừ) 90.000.000 đồng = (bằng) 2.275.000.000 đồng.

Anh K và chị N tính tiền lãi theo quy định của pháp luật của số tiền vốn 2.365.000.000 đồng, từ ngày 05/3/2024 đến ngày 26/7/2024 là 04 tháng 21 ngày x (nhân) 1,66%/tháng, thành tiền lãi 184.504.000 đồng *(được tính như sau: 2.365.000.000 đồng x (nhân) 1,66%/tháng x (nhân) 4 tháng + (cộng) 1.308.000 đồng/ngày x (nhân) 21 ngày).*

Tiền lãi anh K và chị N đã nhận 257.820.000 đồng – (trừ) tiền lãi tính theo quy định của pháp luật 184.504.000 đồng = (bằng) số tiền lãi còn lại 73.316.000 đồng được trừ tiếp vào số tiền vốn còn lại 2.275.000.000 đồng – (trừ) số tiền lãi còn lại 73.316.000 đồng = (bằng) 2.201.684.000 đồng tiền vốn.

Do đó, anh K và chị N yêu cầu anh M và chị O liên đới trả cho anh K và chị N số tiền vốn 2.201.684.000 đồng và yêu cầu tiếp tục liên đới trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 27/7/2024 cho đến khi anh M và chị O trả xong nợ.

Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn Phan Ngọc O và Võ Thanh M (cùng ủy quyền cho ông Bùi Văn P) trình bày:

Anh K, chị N và anh M, chị O có giao dịch vay tiền rất nhiều lần và có tham gia hụi với nhau do chị N làm chủ hụi nhưng các giao dịch về hụi và tiền vay khác hai bên đã tự giải quyết xong.

Ngày 05/3/2024, Chị O và anh M có viết biên nhận (viết nội dung), ký tên, ghi họ và tên và điểm chỉ dấu vân tay vào biên nhận ghi tiền đã mượn.

Tuy nhiên, biên nhận tiền ngày 05/3/2024 có 03 khoản tiền ghi trong biên nhận không phải vay cùng một ngày mà vay ở 03 thời điểm khác nhau:

- Đầu tiên là số tiền 515.000.000 đồng được giao nhận vào khoản tháng 10 năm 2021 (không nhớ cụ thể).

- Kế đến là số tiền 350.000.000 đồng vay vào ngày 30/10/2023, chị N chuyển khoản cho chị O.

- Số tiền 1.500.000.000 đồng vay vào ngày 05/02/2024, đúng như chị N nói, giao nhận tiền bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Đến ngày 05/3/2024 chị N yêu cầu buộc chị O và anh M là vợ chồng ký biên nhận chung cả 03 khoản tiền nói trên.

Giao dịch vay tiền này, chị N cho vay theo hình thức lãi ngày, mức 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tính tháng tương đương 15%/tháng. Cách trả lãi là trả từng ngày hoặc cộng dồn nhiều ngày trả 1 lần, có bao nhiêu chuyển bấy nhiêu, không cần đúng, đủ từng kỳ trả, trả bằng chuyển khoản qua ngân hàng tài khoản của chị N số 0057105677777777 Ngân hàng TMCP P1. Chị O đã thực hiện chuyển tiền thành công cho chị N hàng trăm lần, được xác thực hình ảnh trên điện thoại của chị O lưu giữ và có hàng trăm tin nhắn của chị N nhắc chị O cụ thể số tiền của các khoản tiền lãi chị O phải trả cho chị N và 02 lần chị N chuyển tiền vay cho chị O 350.000.000 đồng và 1.500.000.000 đồng.

Tổng cộng chị O đã chuyển thành công cho chị N nhận là 1.307.810.000 đồng (Trong đó trả vốn 140.000.000 đồng và trả lãi 1.167.810.000 đồng).

Nay yêu cầu tính lãi theo mức quy định của pháp luật quy định bằng 1,66%/tháng, cụ thể là:

- Khoản vay 515.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 31 tháng (tính từ tháng 10/2021 đến ngày 04/6/2024 là 31 tháng), thành tiền lãi 265.019.000 đồng.

- Khoản vay 350.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 7 tháng (tính từ ngày 30/10/2023 đến ngày 04/6/2024 là 07 tháng), thành tiền lãi 40.670.000 đồng.

- Khoản tiền 1.500.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 4 tháng (tính từ ngày 05/02/2024 đến ngày 04/6/2024 là 04 tháng), thành tiền lãi 99.600.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi phải trả: 265.019.000 đồng + 40.670.000 đồng + 99.600.000 đồng = 405.289.000 đồng.

Như vậy, số tiền lãi thực tế đã trả 1.167.810.000 đồng - số tiền lãi 405.289.000 đồng, nên thừa 762.521.000 đồng.

Số tiền lãi thừa này yêu cầu trừ vào tiền vốn, tổng số tiền vốn 2.365.000.000 đồng – 140.000.000 đồng, còn lại 2.225.000.000 đồng, trừ tiếp lãi thừa 762.521.000 đồng, còn phải trả tiếp là 1.462.479.000 đồng là dứt nợ.

Tại quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 90/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024, của Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn K và chị Nguyễn Thị Thúy N yêu cầu anh Võ Thanh M và chị Phan Ngọc O liên đới trả cho anh Bùi Văn K và chị Nguyễn Thị Thúy N số tiền vốn 2.201.684.000 đồng (Hai tỷ hai trăm lẻ một triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Buộc anh Võ Thanh M và chị Phan Ngọc O liên đới trả cho anh Bùi Văn K và chị Nguyễn Thị Thúy N số tiền vốn 2.201.684.000 đồng (Hai tỷ hai trăm lẻ một triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Võ Thanh M và chị Phan Ngọc O liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 76.033.680 đồng (Bảy mươi sáu triệu không trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi đồng).

Trả lại cho anh Bùi Văn K và chị Nguyễn Thị Thúy N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 40.043.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009681 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 06/8/2024, anh Võ Thanh M và chị Phan Ngọc O kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm số tiền mà anh M, chị O phải trả cho chị N.

- Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Anh M1, chị O đồng ý trả anh K, chị N 1.900.000.000 đồng (số tròn);

Anh K, chị N không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của anh M1, chị O; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Đối với đương sự: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Những người tham gia tố tụng khác: Người đại diện theo quy định đã thực hiện đúng Điều 85, 86, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về việc giải quyết vụ án dân sự:

Xét kháng cáo của chị Phan Ngọc O và anh Võ Thanh M kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2024/DS-ST ngày 26/7/2024, của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo hướng sửa bản án sơ thẩm, giảm số tiền anh M và chị O phải trả cho chị N. Xét thấy;

Anh M1 và chị O thừa nhận có viết biên nhận ngày 05/3/2024 với nội dung mượn tiền anh K và chị N tổng số tiền là 2.365.000.000 đồng. Đồng thời, anh M1 và chị O cho rằng vay tiền của anh K và chị N 03 lần với 03 khoản vay khác nhau: Tháng 10/2021 vay 515.000.000 đồng, ngày 30/10/2023 vay 350.000.000 đồng và ngày 05/02/2024 vay 1.500.000.000 đồng.

Bị đơn cũng khẳng định đã chuyển tiền cho anh K và chị N rất nhiều lần tổng số tiền là 1.307.810.000 đồng (Trong đó trả tiền vốn 140.000.000 đồng và trả lãi 1.167.810.000 đồng). Yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật đối với 03 khoản vay trên: Tổng cộng tiền lãi phải trả là 405.289.000 đồng. Sau khi cấn trừ thì chỉ còn trả tiếp số tiền vốn là 1.462.479.000 đồng, nhưng trong các tài liệu, chứng cứ cung cấp cụ thể là bản sao kê Ngân hàng không thể hiện được số tiền trong biên nhận ngày 05/3/2024 là 03 khoản vay khác nhau nên việc anh M1 và chị O cho rằng sau khi cấn trừ chỉ còn trả tiếp số tiền vốn là 1.462.479.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

Vì vậy, Tòa án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn K và chị Nguyễn Thị Thúy N yêu cầu anh Võ Thanh M và chị Phan Ngọc O liên đới trả cho anh Bùi Văn K và chị Nguyễn Thị Thúy N số tiền vốn 2.201.684.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và căn cứ trên cho thấy, chị Phan Ngọc O và anh Võ Thanh M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2024/DS-ST ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; Không chấp nhận kháng cáo của chị Phan Ngọc O và anh Võ Thanh M.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Võ Thanh M và chị Phan Ngọc O là bị đơn kháng cáo trong hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật Tố dân sự năm 2015.

[2]. Xét anh Võ Thanh M và chị Phan Ngọc O yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm anh M, chị O đồng ý trả anh K, chị N 1.900.000.000 đồng (số tròn) theo hướng giảm số tiền mà anh M, chị O phải trả cho chị N. Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh K và chị N cung cấp bản chính biên nhận ghi tiền đã mượn thể hiện nội dung: Ngày 05/3/2024 dương lịch vợ chồng tôi đồng lòng viết biên nhận nợ này là có mượn của vợ chồng anh Bùi Văn K, sinh năm 1984 và vợ là Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1992 ngụ xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Tổng số tiền nợ là 2.365.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Từ ngày 05/3/2024 đến ngày 30/4/2024, anh M và chị O có trả tiền vốn và tiền lãi nhiều lần được tổng cộng là 347.820.000 đồng (trong đó 90.000.000 đồng tiền vốn và 257.820.000 đồng tiền lãi mà không nhớ thời gian cụ thể), nên đồng ý trừ số tiền vốn và tiền lãi đã đóng vào số tiền lãi và tiền vốn anh K và chị N yêu cầu, cụ thể như sau: Số tiền vốn: 2.365.000.000 đồng –90.000.000 đồng = 2.275.000.000 đồng. Tiền lãi anh K và chị N đã nhận 257.820.000 đồng – (trừ) tiền lãi tính theo quy định của pháp luật 184.504.000 đồng = (bằng) số tiền lãi còn lại 73.316.000 đồng được trừ tiếp vào số tiền vốn còn lại 2.275.000.000 đồng – (trừ) số tiền lãi còn lại 73.316.000 đồng

= (bằng) 2.201.684.000 đồng tiền vốn nên anh K và chị N yêu cầu anh M và chị O liên đới trả cho anh K và chị N số tiền vốn 2.201.684.000 đồng.

Anh M1 và chị O thừa nhận ngày 05/3/2024 có viết biên nhận, ký tên, ghi họ và tên và điểm chỉ dấu vân tay vào biên nhận ghi tiền đã mượn mà anh K và chị N cung cấp. Anh M1 và chị O thì cho rằng tiền vốn vay và lãi đã trả cho chị N 15%/tháng thời gian tính theo thời điểm nhận vốn từng khoản vay, 515.000.000đồng là từ tháng 10/2021; 350.000.000đồng là vay từ ngày 30/10/2023 và 1.500.000.000đồng là ngày 05/02/2024 lãi đã trả trừ đi lãi phải trả theo mức quy định pháp luật, tiền lãi thừa trừ vào tiền vốn, số tiền còn lại anh M1, chị O đồng ý trả. Tại phiên tòa phúc thẩm ông P là người đại diện theo ủy quyền của anh M1, chị O yêu cầu tính thêm 01 tháng lãi đã trả cho anh khiêm, chị N (tính từ ngày 05/02/2024 đến ngày ngày 05/3/2024) với lãi suất 15%/tháng thay gì tính lãi từ ngày làm biên nhận ngày 05/3/2024. Hội đồng xét xử xét thấy việc hai bên thừa nhận có lập biên nhận ngày 05/3/2024 là ngày hai bên thống nhất kết toán nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng vay tài sản này nên không có căn cứ để chấp nhận. Đồng thời ông P cũng cung cấp bổ sung bảng liệt kê giao dịch tài khoản giữa chị O với chị N. Tuy nhiên, anh M1, chị O không chứng minh được cho 3 khoảng vay như anh M1, chị O trình bày nên cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M1, chị O.

[3]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc anh Võ Thanh M và chị Phan Ngọc O liên đới trả cho anh Bùi Văn K và chị Nguyễn Thị Thúy N số tiền vốn 2.201.684.000 đồng (Hai tỷ hai trăm lẻ một triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 90/2024/DS-ST ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

[4]. Xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M, chị O; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 90/2022/DS-ST ngày 26/7/2024, của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5]. Do yêu cầu kháng cáo của anh M, chị O không được chấp nhận nên anh M, chị O phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6]. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 90/2024/DS-ST ngày 26/7/2024, của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Thanh M và chị Phan Ngọc O đồng ý trả cho anh K, chị N số tiền vốn 1,9 tỷ đồng.

2- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 90/2022/DS-ST ngày 26/7/2024, của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn K và chị Nguyễn Thị Thúy N yêu cầu anh Võ Thanh M và chị Phan Ngọc O liên đới trả cho anh Bùi Văn K và chị Nguyễn Thị Thúy N số tiền vốn 2.201.684.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm lẻ một triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Buộc anh Võ Thanh M và chị Phan Ngọc O liên đới trả cho anh Bùi Văn K và chị Nguyễn Thị Thúy N số tiền vốn 2.201.684.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm lẻ một triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Võ Thanh M và chị Phan Ngọc O liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 76.033.680 đồng (Bảy mươi sáu triệu, không trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm tám mươi đồng).

Trả lại cho anh Bùi Văn K và chị Nguyễn Thị Thúy N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 40.043.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009681 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Án phí dân sự phúc thẩm

Anh Võ Thanh M, chị Phan Ngọc O mỗi người phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 600.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0012544 và 0012545 cuàng ngày 09/8/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

6. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 90/2024/DS-ST ngày 26/7/2024, của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TP Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước